

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 02-11-2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khương Duy;
2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức A - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần và cộng sự; địa chỉ: Số 117B Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2021*), có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P, cùng địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố D, tỉnh T, ông T có mặt, bà P vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu H; địa chỉ: Khu phố 2, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2021 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/12/2019, ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu*), không có lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 11/10/2010. Quá trình vay bà P, ông T đã trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 169.730.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán, bà G đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà P trả nợ như cam kết nhưng ông T, bà P vẫn không trả. Vì vậy, bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà P có nghĩa vụ trả cho Bà số tiền là: 130.270.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trường hợp ông T, bà P không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì buộc bà Lê Thị Thu H là người bảo lãnh có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền 130.270.000 đồng.

2. Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 21/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh T trình bày: Ông T thừa nhận ngày 11/12/2019, ông T và bà P có vay của bà G số tiền 300.000.000 đồng. Ông, Bà đã trả nợ cho bà G một số tiền nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể.

3. Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 21/6/2021 và quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm P trình bày: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P trước đây là vợ chồng, có vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 300.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay/mượn tiền đề ngày 11/12/2019. Chữ ký chữ viết trong giấy vay tiền trên là của ông T, bà P. Bà P và ông T đã trả cho bà G số tiền 169.730.000 đồng, số nợ còn lại là 130.270.000 đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H trình bày: Tại hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019 giữa người cho vay: Bà Nguyễn Thị G; người vay: Bà Nguyễn Thị Diễm P và ông Trần Minh T, bà Hà có ký vào hợp đồng với tư cách là người bảo lãnh. Tuy nhiên, khoản vay mượn trên là giao dịch giữa bà G, ông T và bà P. Ông T và bà P là người trực tiếp nhận tiền từ bà G. Trong hợp đồng vay không quy định quyền và nghĩa vụ của người bảo lãnh, do đó bà H không có trách nhiệm liên quan đến khoản vay của ông T và bà P. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị G và ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị Diễm P bảo đảm về hình thức và nội dung, tuân thủ quy định pháp luật. Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019, ông T, bà P có vay của của bà Nguyễn Thị G số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu*), thời hạn trả nợ ngày 11/10/2020. Ông T, bà P đã trả cho bà G số tiền 169.730.000 đồng. Do ông T, bà P vi phạm nghĩa vụ cam kết nên bà G khởi kiện yêu cầu ông T, bà P có nghĩa vụ trả cho Bà số tiền 130.270.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì buộc bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.270.000 đồng.

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019, bà Lê Thị Thu H ký với tư cách là người bảo lãnh trả nợ. Tuy hợp đồng vay không có điều khoản quy định quyền và nghĩa vụ của người bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh nhưng tại hợp đồng vay bà H đồng ý mình là người bảo lãnh trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì buộc bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.270.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 340, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền: 130.270.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*). Tòa án xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P cư trú tại Khu phố A, Phường B, thành phố D, tỉnh T nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung:

2.1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngày 11/12/2019, ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019. Các bên thừa nhận chữ viết, chữ ký người mượn là Nguyễn Thị Diễm P và Trần Minh T, người cho mượn Nguyễn Thị G, người bảo lãnh Lê Thị Thu H. Xét thấy, “*Hợp đồng vay/mượn tiền ngày 11/12/2019*” là một giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị Diễm P và ông Trần Minh T với bà Nguyễn Thị G trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận của hai bên, nội dung và hình thức đảm bảo quy định của pháp luật, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi.

Đối với ý kiến của bị đơn ông Trần Minh T tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2021 về việc thừa nhận ông T và bà P có vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 11/12/2019 nhưng ông T đã trả hết số tiền trên cho bà Gái. Tuy nhiên ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã trả số tiền trên cho bà G nên không có căn cứ để xem xét.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G buộc ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P trả nợ số tiền 130.270.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

2.2 Đối với yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì buộc bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.270.000 đồng.

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019, bà Lê Thị Thu H ký với tư cách là người bảo lãnh trả nợ. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2021, bà H thừa

nhận bà là người bảo lãnh cho khoản vay của ông T, bà P. Tuy nhiên, ông T, bà P là người vay tiền và trực tiếp nhận tiền từ bà G nên nghĩa vụ trả nợ là của ông T, bà P, Bà chỉ có nghĩa vụ nhắc nhở ông T, bà P trả nợ cho bà G đúng thời hạn. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận dòng chữ có nội dung “*Người bảo lãnh trả nợ*”, dòng chữ Lê Thị Thu Hà, chữ viết và chữ ký tại hợp đồng vay ngày 11/12/2019 là do bà H viết và ký.

Điều 335 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”. Tuy hợp đồng vay không có điều khoản quy định quyền và nghĩa vụ của người bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh nhưng tại hợp đồng vay bà H đã ghi và ký dưới nội dung “*Người bảo lãnh trả nợ*” nghĩa là bà H đồng ý mình là người bảo lãnh trả nợ, phạm vi bảo lãnh là bảo lãnh trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh và quyền yêu cầu của bên bảo lãnh được thực hiện theo quy định tại Điều 335; Điều 336, Điều 340 Bộ luật Dân sự.

Nhận thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 11/12/2019 xác lập bằng văn bản, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên, đảm bảo về hình thức và nội dung. Tại thời điểm viết và ký vào hợp đồng bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà H tự nguyện, không bị đe dọa hay lừa dối khi ký vào hợp đồng vay với tư cách là người bảo lãnh trả nợ. Vì vậy, hợp đồng trên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm hợp đồng được ký kết.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.270.000 đồng trong trường hợp ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Bà Lê Thị Thu H có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh (Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P) thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện theo quy định tại Điều 340 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H không yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335; Điều 336; Điều 340; Điều 342; Điều 463 và Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G:

- Buộc ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 130.270.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng*) theo Hợp đồng vay/mượn tiền ngày 11/12/2019.

- Trường hợp ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị G thì bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị G số tiền 130.270.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng*) theo Hợp đồng vay/mượn tiền ngày 11/12/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Diễm P phải chịu 6.513.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm mười ba ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.256.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001199 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CC THADS TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vũ Xuân